

TIẾP CẬN VẤN ĐỀ TOÀN CẦU HÓA VĂN HÓA: CÁC BÌNH DIỆN CHỦ YẾU

Lương Văn Kế*

1. Đặc điểm của toàn cầu hoá văn hoá ngày nay

Về mặt lý luận nhận thức, toàn cầu hoá văn hoá chỉ đến gần đây mới được nhiều người thừa nhận. Ở đây, cho dù còn một số người hoài nghi về hiện tượng toàn cầu hoá văn hoá, nhưng không ai có thể bác bỏ được các hiện tượng kiểu như những cơn sốt toàn cầu: nhạc pop của M. Jackson; kịch bản phim truyền hình *Cô gái xấu xí* (“Ugly Betty”) của Colombia được bản địa hoá và thành công rực rỡ ở nhiều quốc gia trên các châu lục (trong đó có Việt Nam và Mỹ)¹, các bộ phim như *Titanic*, *Avatar*; tiểu thuyết giả tưởng *Harry Potter*; văn hoá ẩm thực kiểu Coca-Cola, McDonald, hamburger của Mỹ, và gần đây là “Phở” của Việt Nam v.v... Thậm chí bộ phim giả tưởng 3D *Avatar* của đạo diễn James Cameron chỉ mới chiếu trong vòng hơn 1 năm (18/12/2009 – 28/12/2010) trên thế giới đã đạt kỷ lục mọi thời đại về doanh thu với gần 2 tỉ USD. Riêng ở Việt Nam, lần đầu tiên một bộ phim như vậy đã đạt kỷ lục trong lịch sử chiếu phim với doanh thu 1 triệu USD trong vòng 4 tuần (đến 15/01/2010), tuy giá vé chỉ từ 50 - 150 nghìn đồng. Vì thế đạo diễn Cameron lừng danh đã gửi bức thư đặc biệt cảm ơn khán giả Việt Nam². Thanh thiếu niên ở tất cả các nước, không phân biệt dân tộc, quốc gia, ngôn ngữ, học vấn, giàu nghèo... đều muốn được thưởng thức nghệ thuật điện ảnh siêu kỹ xảo của Hollywood với nội dung ca ngợi lòng dũng cảm và tình yêu trong cuộc chiến chống lại cái ác, bảo vệ môi trường sống và đa dạng văn hoá của các dân tộc. Ngay lĩnh vực hội hoạ là lĩnh vực rất khó phổ biến được các tác phẩm độc bản đến toàn thế giới, thì giờ đây hầu như ai cũng có thể chiêm

* Tiến sỹ Khoa học, Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

¹ *Ugly Betty* là một trong những bộ phim truyền hình thành công nhất của truyền hình Mỹ với vô số các giải Emmy, Quả cầu vàng và Peabody. Theo: <http://vietnamnet.vn/vanhua/201001/Truyen-hinh-My-xoa-so-Co-gai-xau-xi-892083/>

² <http://vietnamnet.vn/vanhua/201001/DD-James-Cameron-gui-loi-cam-on-nguoi-ham-mo-Viet-Nam-892088/>

ngưỡng các kiệt tác của các danh hoạ thế giới cổ kim thông qua các đĩa DVD hoặc mạng Internet với máy tính cá nhân có cấu hình cao nhất. Đặc trưng nổi bật nhất của toàn cầu hoá ngày nay là *tốc độ truyền thông* của các hiện tượng và giá trị văn hoá của chúng. Khoảng cách địa lý và không gian không còn là rào cản đối với việc toàn cầu hoá nữa. Một phát ngôn ngắn gọn nhưng giàu ý tứ của Tổng thống Mỹ B. Obama kiểu như “(We need) Change. Yes, we can” đã ngay lập tức làm dấy lên trong hàng tỉ con tim một niềm hi vọng tốt lành cho thế giới vốn đang tràn ngập đau thương và nhức nhối. Đồng thời với sự vang xa, phổ quát hoá hay lên ngôi của hiện tượng này, thì đâu đó trong các nền văn hoá của các quốc gia kém phát triển, nhiều yếu tố vốn làm nên bản sắc văn hoá của dân tộc mình bỗng chốc bị phôi phai, biến mất. Thay vào đó là những yếu tố ngoại lai đến từ một phương trời xa lạ thông qua muôn nẻo đường của thời đại toàn cầu hoá. Bản sắc văn hoá các dân tộc đang đứng trước nhiều thách thức. Đấy tất cả chẳng phải là bằng chứng hùng hồn về hiện tượng toàn cầu hoá văn hoá (với kết quả tích cực và tiêu cực) đó sao?

Toàn cầu hoá văn hoá, giống như các dạng toàn cầu hoá kinh tế và chính trị, đều dựa trên những *tiền đề chung* như hệ thống công nghệ viễn thông (nghe nhìn) siêu tốc, sự xoá bỏ nhiều rào cản quốc gia quan trọng về chính trị và kinh tế, quá trình cá nhân hoá truyền thông và lao động. Nhưng nó còn dựa trên những tiền đề riêng của văn hoá, như việc hình thành một ngôn ngữ giao tiếp chung (tiếng Anh và một vài ngôn ngữ quốc tế mạnh khác), mức độ đồng đều tương đối của tri thức nhận được qua giáo dục, sự thống nhất tương đối về ý chí và nhận thức của các quốc gia về vận mệnh chung của nhân loại v.v...

Đời sống văn hoá của người dân trên khắp hành tinh với sự hỗ trợ của các phương tiện thông tin và truyền thông đa năng siêu hiện đại đã và đang trở nên sôi động, đa dạng, đa hướng, đa tầng và có thể nói không một thế lực nào có khả năng kiểm soát được nữa. Con người ngày nay là con người tự ý thức, tự nó và cho nó. Sự thần tượng hoá trở thành một “game show” chứ không còn là sự thành kính thiêng liêng như các thời đại trước kia. Do đó, người ta nói đến kỷ nguyên hậu kỳ của hậu hiện đại về văn hoá mà đặc trưng cơ bản nhất là sự cá nhân hoá cao độ trong lối sống, trong nhận thức, trong hành vi hưởng thụ và sáng tạo văn hoá. Dường như mỗi cá nhân đều có cơ hội tự mình vừa là độc giả, vừa là nhà văn, nhà báo và nhà phê bình, vừa là khán giả vừa là diễn viên của sân chơi văn hoá với sự trợ giúp của các phương tiện máy tính cá nhân, điện thoại di động đa năng đủ loại và các hệ thống mạng toàn cầu.

Một đặc điểm quan trọng khác về văn hoá của kỷ nguyên toàn cầu hoá giai đoạn hiện nay là sự *tràn sang nhau của các lĩnh vực văn hoá, chính trị và kinh tế*. Nhiều khi người ta khó phân biệt một sự kiện nào đó là sự kiện văn hoá, chính

trị hay kinh tế. Chẳng hạn các đại hội thể thao Olympic thế giới, các cuộc thi Hoa hậu trên thế giới (Hoa hậu Thế giới, Hoa hậu Hoàn vũ, Hoa hậu Quốc tế, Hoa hậu Quý bà), các bộ phim “bom tấn” của Hollywood v.v... Có thể thấy, trong kỷ nguyên toàn cầu hoá ngày nay, văn hoá không còn thuần túy là văn hoá nữa, vì chính trị và kinh tế nhiều khi cũng đều phải mượn “trang phục và son phấn” của văn hoá. Việc phân phối trên quy mô toàn cầu các sản phẩm được tiêu chuẩn hoá quốc tế (theo phương Tây) sẽ tạo ra quá trình đồng nhất hoá các giá trị và các thói quen, lối sống của các dân tộc. Điều đó cho thấy tác động to lớn và lâu bền của văn hoá trong đời sống nhân loại ở kỷ nguyên toàn cầu hoá.

2. Nội dung của hệ vấn đề toàn cầu hoá văn hoá

Vấn đề cơ bản trong tiếp cận hệ vấn đề toàn cầu hoá văn hoá đòi hỏi các nhà nghiên cứu làm sáng tỏ 4 phương diện sau đây:

- Những yếu tố văn hoá nào (thuộc các nền văn hoá nào) được toàn cầu hoá, và tại sao lại là những yếu tố đó chứ không phải những yếu tố khác?
- Các yếu tố văn hoá được toàn cầu hoá theo cách thức nào?
- Kết quả hay tác động của toàn cầu hoá văn hoá đối với đời sống các quốc gia trên các phương diện văn hoá, kinh tế, chính trị và xã hội như thế nào?
- Các quốc gia cần ứng xử thế nào với làn sóng toàn cầu hoá văn hoá để phát triển văn hoá của mình và đóng góp cho văn hoá chung của nhân loại?

Vấn đề thứ nhất: Các yếu tố văn hoá được toàn cầu hoá

Văn hoá là một khái niệm rộng lớn, gây tranh cãi và bất đồng từ lâu nay. Tuy quan điểm về văn hoá đa dạng, thậm chí xung đột nhau như vậy nhưng người ta vẫn có thể tìm thấy những điểm nhất trí chung từ cả phương Đông và phương Tây. Văn hoá hiểu theo nghĩa rộng là các hệ thống định hướng chung dựa trên các giá trị và chuẩn mực, là cách thức hay khuôn mẫu hành động để giải quyết vấn đề. Chúng tạo ra ý tưởng và động cơ hành động hợp pháp trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội: đời sống cá nhân, kinh tế và chính trị. Chúng cũng là xuất phát điểm của việc xây dựng và điều chỉnh hệ thống chính sách công của quốc gia³.

Do văn hoá rộng lớn, phức tạp, đa nghĩa như thế, nên trên thực tế chưa có một nghiên cứu nào thống kê được đầy đủ và chính xác *những yếu tố văn hoá nào được toàn cầu hoá*. Cái mà các nhà nghiên cứu có thể làm được thì thô thiển hơn nhiều: Đó là kể tên các sản phẩm vật chất được lưu hành, ví dụ cái máy tính,

³ Tham khảo: T. Meyer, *Nhân tố văn hoá trong quá trình toàn cầu hoá/khu vực hoá*, trong: M. Teló (ed.), *European Union and New Regionalism* Aldershot, Burlington USA, Singapore, Sydney, 2001, tr. 59.

điện thoại di động, truyện tranh Manga, Karaoke, phim Hollywood v.v... Trong khi đó cốt lõi hay linh hồn của văn hoá lại nằm ở *loại giá trị, chuẩn mực, kiểu thức tư duy*. Hai phương diện này của văn hoá nương tựa vào nhau, qua cái này mà thấy được cái kia. Sự toàn cầu hoá những yếu tố văn hoá tinh thần đó mới là quan trọng. Vậy là cả hai loại yếu tố văn hoá – văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể – đều có khả năng được toàn cầu hoá. Chúng đều có thể chuyển di từ nơi này sang nơi khác, lan toả khắp hoàn cầu. Tuy nhiên trong số các yếu tố văn hoá đó thì những yếu tố phi vật thể như hệ giá trị, niềm tin tôn giáo, tư duy nghệ thuật, lối sống... dù lan truyền chậm chạp, nhưng bao giờ cũng có sức sống lâu bền, vì chúng làm thành tố chất tinh thần của con người và thông qua giáo dục (trong gia đình, xã hội và nhà trường) mà được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ nơi này sang nơi khác. Trong số các yếu tố văn hoá đó, *chỉ những giá trị văn hoá nào có khả năng phổ cập nhanh, mang tính đại chúng (nghĩa là thuộc loại hình văn hoá phổ biến) và mang lại hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội hay tăng cường liên kết xã hội* thì yếu tố văn hoá đó mới có thể toàn cầu hoá mạnh mẽ được và trở thành tài sản chung của nhân loại. Do vậy, người ta thấy các sản phẩm công nghệ, trang phục, món ăn, công cụ di chuyển và thông tin, kỹ năng quản trị, ý thức tôn giáo nhất thần v.v... được phổ biến nhanh nhất⁴. Còn các yếu tố đặc trưng học, các nét đặc thù trong lối sống các dân tộc (nghĩa là thuộc loại hình văn hoá *đặc trưng/cụ thể*) thì rất khó truyền bá⁵. Ở đây chúng ta đặc biệt lưu ý các yếu tố khoa học công nghệ. Các tiến bộ khoa học công nghệ không đơn giản chỉ là việc tạo ra những máy móc tân kỳ và tồn tại rời rạc bên cạnh nhau, mà thực chất chúng phản ánh hệ giá trị của xã hội phương Tây và là một khâu trong hệ thống mà trong đó, mọi yếu tố đều liên quan mật thiết với nhau. Chẳng hạn đối với người châu Âu, việc phát minh ra chiếc đồng hồ cơ giới (thế kỷ XIII) “đã phá vỡ mọi bức tường phân chia kiến thức, sự khéo léo, kỹ năng”. Nó tạo ra một hiệu ứng cách mạng, vì nó khiến con người không còn lệ thuộc vào Mặt trời, Mặt trăng trong cách tính thời gian nữa. Nó mở ra khả năng định ra ngày, phân rõ đêm, tổ chức công việc và quan trọng nhất là đo lường được chi phí lao động thông qua việc tính toán thời gian hoàn thành một công việc, một sản phẩm – một nguyên lý mà K. Marx đã vận dụng để tính toán giá trị thặng dư và bóc lột

⁴ Về kỹ năng quản trị xã hội và doanh nghiệp, các quốc gia mới nổi, ví dụ khối BRIC (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc), nhất là Trung Quốc, đều chịu ảnh hưởng nhiều của phương Tây. Đây là nhận định của GS. Edward Steinfeld, Viện Công nghệ Massachuset MIT, Hoa Kỳ. Tham khảo: <http://www.tuanvietnam.net/2010-04-13-trung-quoc-troi-day-dong-nguy-co-hay-ro-co-hoi->

⁵ Về các khái niệm *loại hình văn hoá đặc trưng, loại hình văn hoá phổ biến* v.v... có thể tham khảo: Trompenaars, F./ Hampden-Turner, Ch.: *Chinh phục các làn sóng văn hoá*. (Long Hoàng... dịch). Hà Nội, 2006, tr. 70 - 106.

tư bản. Còn trước khi có đồng hồ, thời gian không hề mang một giá trị đo lường nào⁶.

Cần lưu ý rằng không phải yếu tố khoa học công nghệ nào cũng có sức mạnh như nhau. Nếu khoa học công nghệ cũng như tác phẩm nghệ thuật đòi hỏi tiêu phí quá nhiều nguồn lực, đến mức làm kiệt quệ nguồn sức mạnh quốc gia, thì khi đó *ưu thế* lại có thể biến thành *yếu thế*, đúng như nhà báo chính luận F. Zakaria đã phân tích. Chẳng hạn, đền thờ Taj Mahal Ấn Độ vô cùng tráng lệ và có giá trị văn hoá nghệ thuật tuyệt vời. Nhưng việc xây dựng nó dưới vương triều Mogul thì vô cùng tốn kém, khiến cho không có bất kỳ quốc gia nào có thể bắt chước. Hạm đội của Trịnh Hoà thời nhà Minh của Trung Quốc cũng không là ngoại lệ. Liên Xô trước đây đã tự hào với chương trình chinh phục vũ trụ hoành tráng hàng đầu thế giới ở thập niên 60 - 70, nhưng rồi nó đã tụt lại phía sau người Mỹ bởi người ta không thể tiếp tục dồn hết của cải và trí tuệ của xã hội cho nó nữa, trong khi để cả nền kinh tế và đời sống nhân dân suy sụp. Tóm lại, “dồn toàn bộ nguồn lực vào một vấn đề không phải là con đường sáng tạo”, đúng như F. Zakaria đã nhận xét, bởi vì đó là một cái phi tự nhiên, phi kinh tế. Người Anh đã thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá trong vài ba thế kỷ với biết bao phát minh khoa học công nghệ lại là một con đường ngược lại hoàn toàn: Họ phát minh là nhằm nâng cao năng suất lao động, để cho chi phí rẻ hơn và đem lại lợi nhuận cao hơn. Ngay ở thế kỷ XVIII, nhờ phát minh máy nông nghiệp, quy mô trang trại nông nghiệp trung bình của Anh đã ở mức 150 herta, trong khi đó ở Trung Quốc chỉ là 1 herta! Ngay từ thế kỷ XVI, người Hà Lan đã phát minh ra nhiều quy trình kế toán tài chính (thử và sai/ trial and error) và thuế quan, các kiểu thức “hợp đồng tương lai” cho đội ngũ thương nhân đông đúc của họ. Nhờ thế họ tối ưu hoá được các chuyển viễn dương. Theo thời gian, ở châu Âu đã phát sinh các phản ứng dây chuyền giữa thương mại, phát minh khoa học và tiếp thu học hỏi từ bên ngoài. Tất cả đều hỗ trợ nhau cùng phát triển.

Có thể nói mâu thuẫn cơ bản trong hậu kỳ hậu hiện đại về văn hoá diễn ra giữa một bên là các giá trị và chuẩn mực toàn cầu của thời đại, còn bên kia là bảo tồn các giá trị và bản sắc quốc gia/dân tộc trước cơn sóng thần toàn cầu hoá văn hoá. Trong cuộc đọ sức này, ưu thế vẫn thuộc về văn hoá của các quốc gia có nền kinh tế phát triển giàu mạnh và nền dân chủ phát triển cao từ những kỷ nguyên toàn cầu hoá trước đây - thế giới phương Tây, trước hết là Mỹ. Học giả Mỹ J. Nye cũng thừa nhận vai trò chủ đạo của Mỹ trong quá trình toàn cầu hoá ngày nay bất chấp sự suy yếu đáng kể của nó. Tuy nhiên, toàn cầu hoá văn hoá không hẳn là Mỹ hoá. Bởi vì có rất nhiều hiện tượng văn hoá lây lan trên toàn

⁶ Tham khảo: Zakaria, F.: *Thế giới hậu Mỹ* (Diệu Ngọc dịch), Hà Nội, 2009, tr. 75.

cầu không phải đến từ Mỹ, ví dụ như: sự lan rộng của Cơ đốc giáo đã đi trước hàng thế kỷ so với khám phá của Hollywood về việc tiêu thụ các phim về Kinh thánh; sự lan rộng của Hồi giáo - vẫn còn tiếp tục cho đến tận ngày nay - không phải được “sản xuất tại Mỹ”; tiếng Anh - thứ ngôn ngữ mà khoảng 5% dân số thế giới sử dụng - do người Anh phổ biến, chứ không phải người Mỹ... Sự trỗi dậy về kinh tế và chính trị của Trung Quốc vẫn không thể khiến cho văn hoá của họ được toàn cầu hoá, phổ cập hoá, chiếm được “thị phần văn hoá” đáng kể trên thế giới, bất chấp những nỗ lực vượt bậc của họ trong tạo dựng cái gọi là “sức mạnh mềm”.

Trong khi đó sức hấp dẫn của hệ giá trị phương Tây trải qua cọ sát và điều chỉnh lại hướng đến sự thừa nhận của giá trị cá nhân, tự do cá nhân, tự do sáng tạo, tự do tư tưởng và tự do kinh doanh. Các xã hội Tây phương Thiên Chúa giáo – nhất là Tin Lành - coi trọng sự thành công và phồn vinh vật chất. Phải lưu ý rằng sức hấp dẫn của văn hoá phương Tây nói chung và văn hoá Mỹ nói riêng đã không cần đợi đến khi xuất hiện khái niệm *toàn cầu hoá* theo nghĩa đương đại (đầu thập niên 1990) mà đã khá hấp dẫn trong thời kỳ trước và sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Một chủ đề nổi bật trong toàn cầu hoá văn hoá là vấn đề *văn hoá toàn cầu*. Giống như trong toàn cầu hoá kinh tế, văn hoá toàn cầu không phải là tổng số rời rạc các nền văn hoá dân tộc và khu vực, mà là một toàn cảnh văn hoá thế giới, trong đó có những yếu tố, những hệ giá trị xuyên suốt tạo nên tính đồng nhất và thống nhất giữa các nền văn hoá ở mức độ nhất định mà chúng ta có thể gọi chúng là những “giá trị toàn cầu”, chúng làm thành “bản sắc”, thành “chuẩn tắc” của thời đại chúng ta. Ở đây có những khía cạnh gây tranh cãi mạnh mẽ, như: điều kiện để hình thành nền văn hoá toàn cầu như thế nào, hiện trạng văn hoá thế giới có phải là văn hoá toàn cầu không, văn hoá toàn cầu *bao gồm những yếu tố cơ bản nào*, vai trò của các nền văn hoá dân tộc và khu vực trong nền văn hoá toàn cầu đó.

Vậy phải chăng trong tương lai sẽ có một nền *văn hoá toàn cầu* và nền văn hoá toàn cầu đó chỉ bao gồm những yếu tố phổ quát, những chuẩn mực và giá trị chung của toàn nhân loại? Điều dễ thấy là có rất ít người tán thành quan điểm này. Mọi nỗ lực của các quốc gia trong việc quảng bá văn hoá của mình có thể đều thất bại: văn hoá nhân loại vốn sinh ra trong đa dạng, đã tồn tại trong đa dạng và chắc chắn sẽ vẫn tiếp tục phát triển trong đa dạng. Bởi vì mỗi khi tiếp nhận một yếu tố từ bên ngoài, thì một cách tự nhiên, con người ở bất cứ địa phương nào cũng đều xuất phát từ cái nền tảng văn hoá có sẵn, tức cái định kiến của mình, mà bản địa hoá nó. Chính vì thế người ta mới thấy, phong trào Thơ mới

những năm 1920 - 1940 ở Việt Nam là kết quả của sự du nhập các hình thức thi ca của văn học Pháp, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ thơ Pháp, nhưng toàn bộ hồn cốt của Thơ mới vẫn mang đậm bản sắc Việt Nam, là tâm hồn Việt Nam và vì thế nó có sức sống mãnh liệt.

Đặc điểm loại hình về tính phổ biến, phổ quát... của các yếu tố văn hoá sò dĩ được xác định khá rõ nét là dựa trên quan hệ của chúng với cảm nhận của con người. Do đó, trong toàn cầu hoá văn hoá có vấn đề con người hay *cộng dân toàn cầu*. Tức là làm sao để quá trình và kết quả toàn cầu hoá văn hoá mang tính nhân bản sâu sắc. Theo truyền thống, khái niệm *cộng dân toàn cầu* đương nhiên là đối lập với khái niệm *cộng dân quốc gia*. Một nhà nghiên cứu người Pháp (thuộc CNRS: Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia) trong một bài viết trên tạp chí *Spirit* (Tinh thần) số tháng 10/1998 đã nhận định rằng, *toàn cầu hoá đã tạo ra một cộng đồng bột phát mà không cần một hệ thống xã hội ổn định hay một sự định hướng chung. Cộng đồng này dựa chủ yếu trên sự cộng sinh xúc cảm, bởi vì mỗi sự kiện toàn cầu đều trước hết được cảm nhận qua cảm xúc*⁷. Hiện tượng cộng dân toàn cầu bao gồm hai chủ thể: các cá nhân công dân và các tổ chức phi chính phủ. Đối với cá nhân, tiêu chuẩn của một cộng dân toàn cầu có thể bao gồm: (1) có tri thức hiện đại mang tầm quốc tế; (2) có ý thức quan sát và trách nhiệm đối với tình trạng toàn cầu chứ không phải chỉ với quốc gia của mình; (3) có công cụ và năng lực sử dụng công cụ đó để giao tiếp và hội nhập toàn cầu, nghĩa là có năng lực liên văn hoá (ví dụ: ngôn ngữ quốc tế, kỹ năng công nghệ thông tin); (4) có khả năng đảm nhiệm các công việc ở các công ty xuyên quốc gia hay các tổ chức quốc tế v.v...

Chủ thể thứ hai trong hiện tượng cộng dân toàn cầu là các tổ chức phi chính phủ (NGO) trong quan hệ quốc tế: Các tổ chức phi chính phủ tham gia vào quá trình ấn định chính sách, lịch trình các đàm phán quốc tế, đề xuất các tiêu chuẩn quốc tế và theo dõi quá trình thực hiện các quy chuẩn này (ví dụ: bảo vệ môi trường, cấm sử dụng mìn sát thương, các quyền của tù nhân chính trị, tự do báo chí...). Sức mạnh của các tổ chức NGO thậm chí được đánh giá cao hơn cả vai trò của một số nhà nước “tầm tầm bậc trung” trong hệ thống Liên hợp quốc, khiến cho các quốc gia chuyên chế và công ty xuyên quốc gia phải e ngại. Chuẩn mực cơ bản của các tổ chức quốc tế với tư cách cộng dân toàn cầu là quyền con người và bảo vệ môi sinh – những tiêu chuẩn mà không ai có thể chối cãi được.

Trong toàn cầu hoá văn hoá có vấn đề *vai trò của các nền văn hoá quốc gia* và địa phương trong bối cảnh toàn cầu hoá văn hoá. Vấn đề cơ bản nhất ở đây là,

⁷ Dẫn theo: Ủy ban Đối ngoại Quốc hội Hoa Kỳ, Báo cáo điều tra số 1963, Báo cáo viên: Roland Blum: *Toàn cầu hoá*. 11/1999, tr. 42. (Bản tiếng Việt của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam).

làm thế nào các nền văn hoá dân tộc giữ gìn được bản sắc của mình trong khi vẫn không ngừng trao đổi với toàn cảnh văn hoá thế giới, nhất là với các nền văn hoá đến từ các quốc gia phát triển cao Âu - Mỹ? Hơn nữa, làm thế nào phát huy được các yếu tố văn hoá quốc gia của mình ra bên ngoài. Đó đều là những vấn đề hóc búa mà các cuộc thảo luận vẫn chưa thể nào đi đến hồi kết.

Về nơi phát xuất hay chủ nhân của các giá trị được toàn cầu hoá, nếu quan sát thực tiễn sự vận động của đời sống văn hoá nhân loại, người ta nhận ra những gam màu chủ đạo và xu thế vận động chủ đạo của toàn cầu hoá văn hoá. Đó là xu thế vận động từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam: dòng chủ lưu văn hoá đang từ các quốc gia phát triển giàu có phương Tây và Bắc bán cầu tràn sang phương Đông và xuống Nam bán cầu nghèo khổ và kém phát triển hơn (trừ một vài ngoại lệ). Như vậy, có một quy tắc là, sức mạnh kinh tế là động lực cho toàn cầu hoá văn hoá. Tự thân văn hoá không thể toàn cầu hoá được nếu không nhờ cưỡi trên lưng của trận cuồng phong toàn cầu hoá kinh tế. Nhìn trên khía cạnh loại hình văn hoá, thì quá trình toàn cầu hoá từ phương Tây sang phương Đông... là cuộc chinh phục của kiểu xã hội có cấu trúc theo chiều ngang (kiểu mạng lưới, thế giới phẳng, dân chủ) đối với các xã hội có cấu trúc theo chiều dọc/tôn ti (đẳng cấp, kiểu kim tự tháp). Nếu tinh thần của thời đại toàn cầu hoá phát triển theo hướng dân chủ, thì việc đồng nhất hiện đại hoá với Tây phương hoá là điều không có gì là khó hiểu, đó là một quy luật tất yếu.

Xét về mặt thời gian lịch sử của sự lan toả văn minh, người ta thấy có một bước ngoặt ngoạn mục ở thời điểm thế kỷ XV - XVI: Trước thời Phục hưng, hay từ trước khi chủ nghĩa tư bản ra đời, sự lan toả văn minh bắt đầu từ phương Đông (bao gồm Trung Hoa, Ấn Độ và Trung Đông) lan toả sang phương Tây (châu Âu). Nhưng kể từ thời Phục hưng và sự ra đời của chủ nghĩa tư bản thế kỷ XV - XVI trở về sau, người ta thấy một khuynh hướng lan toả văn minh ngược lại và phức tạp hơn nhiều:

Phương Tây > phương Đông > phương Bắc > phương Nam

Nghĩa là văn minh Tây phương chinh phục phương Đông, rồi cả hai khu vực phương Tây và phương Đông ở Bắc bán cầu hợp thành phương Bắc. Từ đó phương Bắc phát triển đã gây sức ép, ảnh hưởng xuống phương Nam kém phát triển hơn. Từ đó cho thấy thách thức lớn nhất cả về phát triển và văn hoá hiện nay là đối với các quốc gia phương Nam⁸.

⁸ Ở đây ranh giới Bắc - Nam không dựa trên vị trí đường xích đạo vắt ngang địa cầu, mà là đường chí tuyến Bắc ở bán cầu Bắc. Theo đó các nước phương Bắc đều nằm từ đường chí tuyến Bắc trở lên Bắc Cực, còn các quốc gia phương Nam tính từ chí tuyến Bắc xuống hết bán cầu Nam. Trong những năm 80 thế kỷ XX, Đặng Tiểu Bình (Trung Quốc) đã đưa ra hệ vấn đề địa chính trị nổi tiếng là vấn đề Đông - Tây (về tư tưởng) và Nam - Bắc (về phát triển hay kinh tế).

Vấn đề thứ hai: Cách thức toàn cầu hoá các yếu tố văn hoá

Có rất nhiều con đường và cách thức truyền bá các yếu tố văn hoá ra thế giới. Lịch sử nhiều thế kỷ toàn cầu hoá đã cho chúng ta những kinh nghiệm về các quá trình này:

- Toàn cầu hoá văn hoá bằng con đường bạo lực quân sự: Đó là quá trình bành trướng văn hoá phương Tây tới các khu vực châu Á, châu Phi và Mỹ Latin bằng các đội quân viễn chinh, bằng pháo hạm, bằng chiến tranh. Phương sách này vẫn còn kéo dài cho đến tận ngày nay với các bằng chứng là cuộc chiến tranh ở Iraq, Afghanistan và ở một số nơi khác. Nhưng cách thức toàn cầu hoá này chứa đựng nhiều hậu quả khôn lường và không làm cho các dân tộc dễ phục.

- Toàn cầu hoá bằng con đường hợp tác, giao lưu kinh tế và thương mại: Đây là cách thức chủ đạo để các nước có nền kinh tế phát triển truyền bá các giá trị văn hoá của mình ra nước ngoài. Các nước nhỏ và chưa thật phát triển cũng có thể toàn cầu hoá các yếu tố văn hoá của mình theo con đường này. Công cụ quan trọng nhất để quảng bá văn hoá của mình ra thế giới chính là thông qua các *sản phẩm* chất lượng cao, giá cả phù hợp, con đường cung cấp và bảo trì tiện lợi. Mặt khác, các yếu tố của một nền văn hoá cũng có thể được truyền bá rộng rãi thông qua những *người đại diện* của mình trong các công ty đa quốc gia đóng tại nước sở tại (địa phương ở nước ngoài) bởi khuôn mẫu hành vi ứng xử của họ với đồng nghiệp, đối tác, cách thức tư duy kinh tế, tiếp thị, sản xuất, cách thức tổ chức doanh nghiệp.

- Truyền bá văn hoá thông qua hợp tác văn hoá, giáo dục bằng cách thành lập các trường học hay trung tâm đào tạo tại các nước; truyền bá ngôn ngữ, giới thiệu các tác phẩm hay văn nghệ sĩ, tinh hoa văn hoá nghệ thuật nước mình ở nước ngoài. Chẳng hạn tổ chức các tuần/tháng phim Mỹ hay châu Âu, tuần/tháng/ năm văn hoá của nước mình ở nước ngoài nhân các sự kiện ngoại giao. Người ta cũng có thể thông qua việc cấp học bổng cho người bản địa đi du học hay tập huấn tại các cường quốc. Chính những nhân vật này đã tiếp thu giá trị, lối sống ở nước ngoài rồi qua về nước trở thành người tuyên truyền có ý thức hay vô tình cho hệ giá trị mới đó.

- Truyền bá văn hoá nước mình thông qua các chính sách ngoại giao văn hoá, chẳng hạn các chính sách trao đổi các đoàn nghệ thuật, thành lập các quỹ hay tổ chức phi chính phủ có đại diện ở nhiều nước, cung cấp các khoản tài trợ cho các dự án đối thoại, nghiên cứu và triển khai ở các địa bàn nước sở tại nhằm thúc đẩy giao lưu văn hoá và sự hiểu biết giữa các quốc gia. Đối tượng tác động chính là thanh niên sinh viên, trí thức và tầng lớp quan chức nhà nước, kể cả ở

những cơ sở mang đậm “ý thức hệ” như là các trường Đảng cao cấp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các cơ quan của Đảng Cộng sản v.v... ở Việt Nam.

- Truyền bá văn hoá bằng con đường gián tiếp như Internet, truyền hình, truyền thanh, báo chí, ấn phẩm, dịch thuật sách vở v.v... Bằng những hình thức như thế, các yếu tố văn hoá hằng ngày hằng giờ thẩm thấu vào trong trí não của người dân sở tại, dần dần trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của họ, nhất là thanh thiếu niên.

- Toàn cầu hoá văn hoá bằng các tuyên bố chính trị và ngoại giao của các nhà nước. Theo cách này, các quốc gia tìm cách đề cao giá trị văn hoá của mình và phê phán tình trạng của các quốc gia khác mà họ cho là trái với đạo lý (của họ). Điển hình cho cách làm này là các nghị quyết của Quốc hội Mỹ và báo cáo nhân quyền và tôn giáo của Bộ Ngoại giao Mỹ hằng năm. Nhà nước Mỹ không ngần ngại tỏ thái độ phê phán các hiện tượng “trấn áp” dân chủ và tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, tự do biểu tình... ở các nước được họ xem là chuyên chế độc tài⁹.

Vấn đề thứ ba: Kết quả của toàn cầu hoá văn hoá

Có thể thấy rằng quá trình toàn cầu hoá văn hoá đã tạo ra những kết quả thật vĩ đại, vừa làm cho người ta tự hào nhưng cũng lại khiến người ta lo lắng. Kết quả vĩ đại của toàn cầu hoá thể hiện ở chỗ: Các xã hội trở nên xích lại gần nhau nhờ sự xâm nhập lẫn nhau của các hệ ý thức tư tưởng, các tôn giáo, các mô hình cấu trúc xã hội văn minh, các hệ giá trị, các công cụ giao tiếp. Tuy nhiên, toàn cầu hoá văn hoá đạt được kết quả rất khác nhau tùy vào hai vấn đề là: (1) giá trị hay sức hấp dẫn tự thân của các yếu tố văn hoá được toàn cầu hoá, (2) chủ thể truyền bá/tiếp nhận trong bối cảnh lịch sử cụ thể. Ở đây chúng ta tập trung vào khía cạnh giá trị tự thân của các yếu tố văn hoá được toàn cầu hoá. Hai loại nhân tố này gắn bó mật thiết với nhau.

Ở *chiều cạnh thứ nhất*, từ giá trị tự thân của các yếu tố văn hoá, người ta thấy rằng nếu một yếu tố văn hoá có giá trị thúc đẩy sự tiến lên của văn minh nhân loại, thì yếu tố đó sớm muộn cũng sẽ được truyền bá rộng rãi và trở thành tài sản chung của nhân loại, ví dụ: các phát minh lớn của Trung Hoa như la bàn, giấy, nghề in, thuốc súng, tàu thủy viển dương; các kết quả nghiên cứu toán học và thiên văn học của người Arab như hệ số chữ số 1, 2, 3, 4... phổ biến hiện nay, số 0 (zero), danh từ đại số (Algebra), danh từ thuật toán (Algorithm), hệ số đo 360 độ (không gian đường tròn), đơn vị thời gian theo hệ 60, số Pi, tư duy tôn giáo và nghệ thuật kiến trúc tráng lệ của người Ấn Độ. Tuy nhiên lịch sử cho thấy các yếu tố văn hoá đó được truyền bá không theo cách thức của toàn cầu hoá, mà nó

⁹ Møller, Bjørn: *Borders, Territoriality and The Military in The Third Millennium*, Paper for workshop on ‘Clash’ or ‘Dialogue’ of Civilisations? at the 18th IPRA Conference in Tampere, 5-9 August 2000.

đơn giản chỉ là sự di chuyển không gian hết sức chậm chạp và không nhằm mục đích thương mại. Người Trung Quốc đã không có ý tưởng và thực tế cũng không thể thương mại hoá hay toàn cầu hoá thành công đối với các phát minh của họ. Mà người ta phải chờ đợi sự đột phá của các dân tộc phương Tây trong ứng dụng chúng vào hoạt động kinh tế thương mại. Người ta so sánh hai sự kiện lịch sử vào thế kỷ XV là cuộc thám hiểm của Trịnh Hoà và cuộc khám phá châu Mỹ của Columbus: Năm 1405, hạm đội khổng lồ của đô đốc Trịnh Hoà (thời nhà Minh - Trung Quốc) lần đầu tiên vượt đại dương với 317 thuyền và 28 nghìn thủy thủ; Columbus có 4 thuyền với 150 thủy thủ; thuyền lớn nhất của Trịnh Hoà có 9 cột buồm lớn, chiều dài thuyền hơn 400 bộ (trên 200 mét) gấp hơn 4 lần chiều dài con thuyền Santa Marina của Columbus, chiếc chiến thuyền nhỏ nhất của Trịnh Hoà cũng có 5 cột buồm và lớn gấp đôi con tàu của Columbus; để đóng một chiếc thuyền Trung Quốc, người ta phải đốn hết gỗ quý của 300 herta rừng. Tất cả các con tàu Trung Quốc đều được đóng ở Nam Kinh trong những công xưởng hiện đại bậc nhất trên thế giới. Chỉ trong 3 năm (1405 - 1408) ở đây đã đóng mới hoặc đại tu 1681 thuyền lớn. Thời đó không có bất kỳ nước nào ở châu Âu có thể sánh kịp¹⁰. Nếu so sánh về nguồn lực, thì người ta đều biết các cuộc hải trình khổng lồ của Trịnh Hoà là do triều đình nhà Minh chủ trương, nên nó được huy động đến mức tối đa từ trong kho của cải của đế chế Trung Hoa mệnh mông; trong khi đó chuyến đi của Columbus là sáng kiến cá nhân đầy tính mạo hiểm và chỉ được hỗ trợ tối thiểu từ triều đình Tây Ban Nha. Thế nhưng hệ quả của các chuyến đi thì lại hoàn toàn trái ngược: Cho dù các chuyến hải hành của Trịnh Hoà đã nâng cao uy thế của “Thiên triều”, cũng mang lại chút “kỳ hoa dị thú” cho vườn thượng uyển của hoàng đế, nhưng nó không tạo ra sự đột phá nào cho tiến trình đi lên của nhân loại. Trong khi đó, chuyến thám hiểm mỏng manh của một nhóm người ưa phiêu lưu khám phá những chân trời mới lạ để tìm kiếm các nguồn tài nguyên mới cho một châu Âu đang trên đà phục hưng kinh tế và văn hoá đã đem lại một bước đột phá vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại: phát hiện ra châu Mỹ và khởi đầu cho sự ra đời của một nửa thế giới văn minh ở Tây bán cầu. Từ nay, cái cây phát triển của nhân loại đã không chỉ có một ngọn duy nhất là đại lục địa Âu - Á, mà đã thêm một nhánh mới vươn lên cực kỳ mạnh mẽ - đế quốc Bắc Mỹ - nhanh chóng đến mức chỉ chưa đến 200 năm nó đã trở thành bá chủ thế giới. Vì thế người ta thấy:

- Về mặt tư tưởng ý thức hệ: Ngày nay, tất cả các xã hội đều lấy lợi ích kinh tế quốc gia và quyền tự do cá nhân làm động lực phát triển, sự đối đầu và xung đột ý thức hệ giai cấp và chủ nghĩa tập thể mơ hồ đều bị đặt thành vấn đề. Cái gọi là “chủ nghĩa quốc tế” nhân danh ý thức hệ không còn mấy ý nghĩa. Nếu ở

¹⁰ Zakaria, F.: *Thế giới hậu Mỹ* (Diệu Ngọc dịch), Hà Nội, 2009, tr. 66 - 67.

đâu đó nó xuất hiện thì động lực cơ bản của nó cũng là vì lợi ích quốc gia và vì bảo vệ nền tảng tồn tại chung mà thôi.

- Về mặt cấu trúc xã hội văn minh: Hầu hết các quốc gia đều xây dựng các thể chế theo mô hình nhà nước dân chủ hiện đại phương Tây “tam quyền phân lập” với Nghị viện và đảng chính trị, Chính phủ hành pháp, hệ thống tư pháp độc lập. Xã hội dân sự cũng phát triển ở những mức độ khác nhau.

- Bức tranh tôn giáo – yếu tố căn bản của văn hoá - trên thế giới ngày nay về cơ bản chỉ tập trung vào 4 tôn giáo lớn là Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Ấn giáo (bao gồm cả Phật giáo) và Khổng giáo. Số tín đồ của một tôn giáo thậm chí lên đến hàng tỉ là kết quả khổng lồ của quá trình truyền giáo và biến đổi nhận thức tâm linh của con người kéo dài hàng thiên niên kỷ. Trong số các tôn giáo lớn đó, Thiên Chúa giáo, đặc biệt là đạo Tin Lành, giữ một vai trò then chốt trong quá trình phát triển chủ nghĩa tư bản, xây dựng các xã hội văn minh phương Tây.

- Về hệ giá trị: Ý thức về quyền và lợi ích cá nhân, về nhân quyền và dân chủ ngày càng được đề cao. Nhà nước vốn được xem là bộ máy cai trị nay đã dần dần được quan niệm là hệ thống quản trị và phương tiện dịch vụ công để bảo vệ quyền lợi công dân và ổn định xã hội. Các yếu tố cốt lõi khác trong hệ giá trị như năng lực sáng tạo cá nhân, sự theo đuổi thành công vật chất thay cho lý tưởng tinh thần thuần túy, cá tính và lựa chọn tự do của cá nhân trong mọi mặt sinh hoạt v.v... đều đang trở thành tiêu chí hành động của thế hệ trẻ.

- Về các công cụ giao tiếp: Toàn cầu hoá dựa trên những tiền đề nhất định, trong đó có tiền đề về công cụ giao tiếp. Đó là các hệ thống thông tin liên lạc và giao thông hiện đại tốc độ cao, sức tải rất lớn và đặc biệt là chúng không ngừng được đổi mới và nâng cao tính hiệu quả. Có thể kể ra hệ thống truyền hình, truyền thanh, Internet, các website, blog, điện thoại di động 3G, 4G, 5G và có thể là nG. Đó vừa là tiền đề vừa là kết quả của toàn cầu hoá. Công cụ ngôn ngữ cũng tham gia tích cực vào quá trình toàn cầu hoá và chịu tác động của toàn cầu hoá: Tiếng Anh (và một vài ngôn ngữ khác) đã trở thành công cụ có ưu thế lớn; trái lại, là sự tàn lụi nhanh chóng của hàng nghìn ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở các khu vực. Về mặt chữ viết, hệ chữ cái Latin chi phối về cơ bản ký hiệu thông tin toàn cầu, ngay cả đối với các ngôn ngữ quan trọng theo loại hình chữ viết riêng như tiếng Hán, tiếng Arab, tiếng Slave. Bằng chứng là tên riêng của các ngôn ngữ này đều phải phiên ra chữ cái Latin nếu muốn thế giới đọc hiểu được trong giao tiếp quốc tế.

Vấn đề thứ tư: Cách thức ứng xử với toàn cầu hoá văn hoá

Đây là một câu chuyện phức tạp do nhiều nguyên nhân. Đứng trước một hiện tượng văn hoá mới mẻ đến từ bên ngoài, các nền văn hoá có những cách

ứng xử khác nhau. Đứng về phía chủ thể tiếp nhận, có thể có ba khả năng xảy ra: (1) cự tuyệt và tìm cách chống lại; (2) tiếp nhận ngay và hoàn toàn; (3) thăm dò và chấp nhận có chọn lọc. Cái gọi là *tiếp biến văn hoá* (acculturation) tương ứng với kiểu thứ ba nói trên.

Trường hợp *thứ nhất, cự tuyệt yếu tố văn hoá bên ngoài*, tức là khước từ toàn cầu hoá văn hoá, nhất là có gốc gác từ phương Tây, người ta tìm thấy rất nhiều bằng chứng ở các quốc gia châu Á trong giai đoạn chủ nghĩa thực dân và các quốc gia xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Thái độ này ở một vài nước vẫn còn kéo dài cho đến những năm đầu thế kỷ XXI bởi lý do ý thức hệ. Tuy nhiên cho dù các quốc gia với kiểu cấu trúc xã hội đặc thù có chính sách cự tuyệt toàn cầu hoá mạnh mẽ đến đâu, thì vẫn có những yếu tố bên ngoài “lọt” được vào khe cửa hẹp, trước hết là các yếu tố phi ý thức hệ như phát minh khoa học công nghệ và phần nào đó là văn hoá kinh doanh của kinh tế thị trường.

Trường hợp *thứ hai, tiếp nhận ngay và hoàn toàn* các yếu tố ngoại lai, trái ngược với cách thứ nhất vừa nêu trên. Đây là cách mà các xã hội hoặc là chậm phát triển, hoặc là chủ nghĩa dân tộc chưa thành hình hay chưa vững chắc... Hầu hết các xã hội châu Phi thời kỳ thực dân rơi vào tình trạng này. Bởi vì ở châu lục này có tình trạng dân cư phân tán và quá đa dạng về sắc tộc, trong khi đó kinh tế tự nhiên vẫn áp đảo. Do đó các yếu tố văn hoá châu Âu theo chủ nghĩa thực dân đã được du nhập ồ ạt và mang tính hệ thống. Phải đợi đến thập niên 60 thế kỷ XX, khi mà tình hình thế giới biến chuyển mạnh mẽ có lợi cho phong trào độc lập dân tộc, thì các quốc gia châu Phi và một số nước ở Đông Nam Á và Nam Á mới chính thức ra đời trên cơ sở các đường biên giới thuộc địa. Cũng chính qua đó mà hình thành chủ nghĩa dân tộc và việc chọn lọc các yếu tố văn hoá ngoại lai/văn hoá phương Tây mới được đặt ra.

Trường hợp *thứ ba, tiếp thu có chọn lọc* các yếu tố ngoại lai và quá trình tiếp biến sau đó diễn ra ở nhiều nước mà chủ nghĩa dân tộc và văn hoá dân tộc tương đối phát triển. Tuy nhiên mức độ tiếp thu là rất khác nhau, nhất là giai đoạn từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX. Có quốc gia tiếp thu giá trị phương Tây khá dễ dàng như Philippines, Thái Lan, Ấn Độ... Nhưng cũng có những quốc gia trước khó sau dễ như Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam; trước khó sau cũng khó như Bắc Triều Tiên và nhiều nước Hồi giáo ở Trung Đông, Đông Nam Á.

Tuy nhiên đó là nói trên đại thể, còn thực tế phản ứng của các xã hội đối với các yếu tố văn hoá được toàn cầu hoá là hết sức phức tạp. Ở đây chỉ muốn đề cập đến vai trò của chủ thể quốc gia trong ứng xử với văn hoá ngoại lai. Vấn đề này phụ thuộc cơ bản vào kiểu cấu trúc xã hội của quốc gia, hệ giá trị mà xã hội đó theo đuổi và nhận thức về lợi ích (trước hết của giai cấp thống trị). Những yếu tố này nương tựa vào nhau để tồn tại. Trong mỗi quốc gia không phải lúc nào cũng

có sự thống nhất giữa giai cấp nắm quyền thống trị và dân chúng bình thường, giữa tầng lớp giàu có và dân nghèo. Chẳng hạn phản ứng ở nhiều nước phi phương Tây về giá trị dân chủ và nhân quyền đến từ phương Tây có độ chênh lớn giữa tầng lớp cầm quyền và quảng đại quần chúng, giữa phụ nữ và đàn ông (nhất là ở các nước Hồi giáo). Phản ứng đó lệ thuộc vào nhận thức về lợi ích cũng như vào độ sâu bền của văn hoá truyền thống trong mỗi con người.

Về vai trò của thể chế quốc gia - chủ thể của toàn cầu hoá, cần phân biệt hai tư cách *chủ thể truyền bá* và *chủ thể tiếp nhận*. Nhìn chung mỗi một quốc gia đều có thể đồng thời hành động với cả hai tư cách này, bởi vì cùng một sự kiện giao tiếp nào đó có thể mang hai thuộc tính *phát* và *nhận*. Vấn đề là ở thái độ của chủ thể hành vi. Một nhà nghiên cứu và chính khách Nga nổi tiếng Evgenhi Yasin trong bài viết mang tên *Mạng lưới và kim tự tháp* gần đây đã nêu ra một nhận xét chí lý về vai trò của kiểu cấu trúc xã hội lấy dẫn chứng từ xã hội phương Tây rằng: “Tổ chức xã hội hình thành ở Hy Lạp cổ đại có khả năng thích ứng cao, có khả năng chấp nhận sáng kiến. Và nó đã sản sinh ra những giá trị cực kỳ quan trọng đối với nền văn hoá của loài người. Triết học, sử học, các bộ môn khoa học, thi ca – tất cả đã tiến triển rất nhanh, trong vòng có 100 - 200 năm. Bộ luật Roma là đóng góp vô cùng to lớn vào nền văn minh thế giới.”¹¹.

Nền tảng văn hoá của quốc gia sâu sắc và bền vững bao nhiêu, tính chủ động tiếp nhận cao bao nhiêu thì sự tiếp nhận yếu tố ngoại lai càng trở nên mạnh mẽ và hiệu quả bấy nhiêu, vì dù thế nào các yếu tố ngoại lai kia vẫn không thể lay chuyển được toàn bộ gốc rễ sâu xa của văn hoá dân tộc, mà chúng chỉ làm cho văn hoá dân tộc thêm mới mẻ, giàu sức sống và khả năng chinh phục mà thôi. Điển hình nhất cho kiểu tiếp nhận này là trường hợp Nhật Bản. Sự đồng nhất văn hoá do toàn cầu hoá đem lại nhiều khi chỉ là cái vỏ bên ngoài, hoặc chỉ là sự bổ sung và điều chỉnh cần thiết nào đó, trong khi về mặt tinh thần thì tính dân tộc và bản sắc văn hoá các dân tộc vẫn không hề bị xoá nhoà.

Để làm rõ thêm vai trò của chủ thể quốc gia trong ứng xử với toàn cầu hoá văn hoá, chúng ta hãy so sánh trường hợp nước Trung Hoa thời nhà Minh và châu Âu thế kỷ XV - XVI. Thời đó, triều đình nhà Minh cũng như triều Thanh sau đó, cùng toàn bộ các luật lệ chuyên chế quân chủ của nó chi phối tất cả hành vi văn hoá nhà nước trong ứng xử với bên ngoài. Sở dĩ các chuyến đi hoành tráng của Trịnh Hoà không đưa lại sự đột phá cho thế giới chính là do mục đích chuyến đi của hạm đội khổng lồ không phải là tìm kiếm tài nguyên để phát triển kinh tế như

¹¹ Giáo sư, Tiến sỹ E. G. Yasin sinh năm 1934, từng là Bộ trưởng Kinh tế Liên bang Nga (1994 – 1997) và từ tháng 4/1997 đến tháng 10/1998 là Bộ trưởng Phụ trách các vấn đề Liên bang. Từ năm 1998 đến nay, ông giữ chức Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học của Trường Cao cấp Kinh tế, từ năm 2000 kiêm Chủ tịch Quỹ Tự do. Báo *Độc lập* của Nga (ra ngày 27/10/2009) đăng bài trả lời của ông với phóng viên Vladimir Semenov về vấn đề này. Nguồn: <http://www.liberal.ru/articles/4473>.

phương Tây, mà là vì “thể diện”, nhằm tỏ rõ “uy phong” sức mạnh của Thiên triều. Hơn nữa, vào thời kỳ đó, nội bộ nước Trung Hoa có nhiều phức tạp khiến cho thiên tử nhà Minh luôn sợ bạo loạn và cát cứ bùng phát, nhất là từ các địa phương ven biển. Để tránh hậu hoạ, hoàng đế đã ra lệnh triệt phá mọi con thuyền vượt đại dương. Vào năm 1551, bất kể chiếc thuyền nhiều cột buồm nào dám ra khơi vì bất kỳ mục đích gì đều bị xử tội. Sang triều Thanh, chính sách bế quan toả cảng này càng tệ hại hơn nữa. Họ đốt phá tan hoang dải duyên hải hàng nghìn kilomet ở miền Đông Nam Trung Quốc, biến vùng này thành nơi hoang vu không thể sinh sống. Vậy là ngành công nghiệp đóng tàu Trung Quốc sụp đổ hoàn toàn. Thế là phải 300 năm sau sắc lệnh huỷ diệt tàu viễn dương của nhà Minh, mới có chiếc tàu Trung Quốc đầu tiên cập cảng châu Âu năm 1851¹².

Sự kiện bi thảm này chỉ có thể được giải thích thoả đáng bằng sai lầm trong cách tiếp cận hay cách ứng xử của giới cầm quyền đất nước với bên ngoài. F. Zakaria thì coi “đó là lựa chọn định mệnh. Chỉ bởi Trung Quốc đã chọn cách quay lưng lại với thế giới bên ngoài”¹³. Trong khi đó châu Âu lại chọn cách chu du ra nước ngoài, giao tiếp cởi mở với thế giới. Chính qua những chuyến viễn dương mà cá nhân con người của châu Âu đã có quyền tự quyết định, có điều kiện bành trướng sức mạnh và tầm ảnh hưởng ra toàn cầu.

Thứ hai, với tư cách chủ thể quốc gia tiếp nhận, yếu tố loại hình thể chế hay văn hoá chính trị nhà nước cũng có thể đóng vai trò tích cực hay tiêu cực trong quá trình toàn cầu hoá văn hoá, ảnh hưởng đến kết quả của quá trình đó. Hành vi của triều đình nhà Minh và nhà Thanh cũng thể hiện thái độ coi thường óc sáng tạo khoa học công nghệ vốn được châu Âu xem là chìa khoá của năng suất lao động và sự tiến lên của nền văn minh. Người ta tìm thấy vô vàn các minh chứng về thái độ khước từ tiến bộ này. Chẳng hạn, vào thế kỷ XVI, khi người Bồ Đào Nha đem đồng hồ cơ giới tinh vi cũng như nhiều máy móc khác, kể cả các cỗ đại bác hiện đại nhất thế giới hồi đó vào Trung Quốc, thì họ đã được yêu cầu phải đứng đằng sau các cỗ máy đó để điều khiển cho người Trung Quốc thưởng thức, vì họ coi chúng như đồ chơi mà thôi. Vậy là người Trung Quốc chỉ biết “xài” công nghệ hiện đại nhưng không thể làm ra chúng. Đến thế kỷ XVIII thì mọi chuyện còn tồi tệ hơn nữa: họ cự tuyệt hẳn các hệ thống máy móc phức tạp mà châu Âu phát minh ra. Thái độ của người Trung Quốc chính là một “căn bệnh thế kỷ” - nói theo A. Toynbee và nhà nghiên cứu người Nga Evgenhi Yasin - căn bệnh tự mãn, “bão hoà ở đỉnh cao”, cự tuyệt các thành tựu văn minh bên ngoài của nhà cầm quyền¹⁴. Sự ngạo mạn của Thiên triều Trung Hoa đối với thế giới bên ngoài thể

¹² Zakaria, F.: *Thế giới hậu Mỹ* (Diệu Ngọc dịch), Hà Nội, 2009, tr. 68.

¹³ Zakaria, F.: *Thế giới hậu Mỹ*, sđd.

¹⁴ Evgenhi Yasin, tldđ.

hiện đặc biệt rõ ràng và sinh động trong thư phúc đáp của hoàng đế Càn Long nhà Thanh đối với quốc thư của Hoàng đế Anh Quốc – bá chủ thế giới suốt nhiều thế kỷ (XVII - XIX)¹⁵. Chẳng hạn những lời lẽ sau đây: “Những cống phẩm kỳ lạ và đắt giá không làm ta quan tâm. Nếu ta ra lệnh chấp nhận những cống vật do ngài gửi đến, hỡi hoàng đế, thì đó chỉ là vì lòng kính trọng đối với tinh thần đã thôi thúc ngài gửi chúng từ nghìn dặm xa xôi đến đây. Uy nghi của vương triều ta đã thu phục mọi quốc gia trên thiên hạ, và vua chúa của mọi nước đều hiến dâng những cống phẩm đắt giá (...). Như sứ giả của ngài đã chứng kiến, chúng ta có tất cả mọi thứ. Ta không coi trọng những vật kỳ lạ hay khéo léo và không có nhu cầu sử dụng những máy móc của nước ngài.”.

Có thể nói rằng nguyên nhân của sự tụt hậu nhanh chóng và bi thảm trong nhiều thế kỷ suốt từ thế kỷ XVI của nhiều quốc gia vốn hùng cường ở phương Đông nằm ở sự yếu ớt của hệ giá trị mà họ theo đuổi. Nhà nghiên cứu người Nga Evgenhi Yasin trong bài viết mang tên *Mạng lưới và kim tự tháp* còn chỉ ra đặc trưng cấu trúc thể chế quốc gia của căn bệnh này là do có hệ thống đẳng cấp rất vững chắc, không có tài sản tư nhân và thiếu vắng cạnh tranh.¹⁶ Các quốc gia này muốn duy trì quyền uy tuyệt đối của quyền lực chính trị chuyên chế, phủ định mọi sáng kiến cá nhân, sáng tạo cá nhân, cự tuyệt kinh tế tư nhân, tự do cạnh tranh và mở cửa với bên ngoài. Mọi sinh hoạt chính trị, kinh tế cũng như khoa học, giáo dục và văn hoá hầu như đều dưới cái roi độc tôn chân lý. Vì thế cũng dễ hiểu vì sao những bộ óc ưu tú nhất của các dân tộc Á Đông đều tập trung vào việc thi cử đỗ đạt để ra làm quan, tức là làm chính trị. Mà nếu không thành công thì hoặc là làm giặc hoặc là ở ẩn lánh đời!

Vấn đề cơ bản thứ hai ở đây là nhận thức về lợi ích: Nếu việc tiếp nhận văn hoá ngoại lai đem lại lợi ích cho giai cấp thống trị thì tình hình thuận lợi, và ngược lại. Câu chuyện chấp nhận hay không chấp nhận yếu tố văn hoá ngoại lai có thể đưa đến những tình huống hết sức nghiêm trọng như người ta đã thấy trong lịch sử thực dân hoá mà điển hình là bi kịch lịch sử cận đại Việt Nam. Ngay cả trong sự chấp nhận yếu tố ngoại lai thì cũng vẫn phức tạp. Vì có thể giai đoạn đầu là chống đối, phủ định yếu tố ngoại lai; nhưng sau đó lại tự nguyện chấp nhận, thậm chí chấp nhận rất mạnh mẽ yếu tố văn hoá ngoại lai như đã từng xảy ra ở Nhật Bản thời kỳ cuối Edo trước khi Minh Trị Duy tân. Trong thời kỳ này, các nhân vật thuộc phái Shogun như Takasugi Shinsaku, Katsura Kogoro, Saigo Takamori lúc đầu kiên quyết cự tuyệt phương Tây (chữ Hán gọi là *Nhương di*) để bảo vệ chính sách đóng cửa (Toả quốc). Họ thậm chí ám sát những

¹⁵ Dẫn theo Toynbee, A. J.: *Nghiên cứu lịch sử nhân loại* (Việt Thư dịch), Tp. Hồ Chí Minh, 2008, tr. 47 - 48.

¹⁶ Nguồn: <http://www.liberal.ru/articles/4473>.

người chủ trương mở cửa cải cách. Thế nhưng sau đó 10 năm, khi tất cả họ đều được nhận tước vị cao và suy ngẫm về sự lạc hậu yếu ớt của nền kinh tế nước nhà trước sự lấn át của phương Tây thì đều quay sang theo đuổi nhiệt thành chính sách “khai hoá văn minh” theo phương Tây. Có người coi họ là những kẻ “thất tiết”, nhưng họ không hề xấu hổ về việc đó. Nguyên nhân là ở nhận thức của họ: Hành vi quay ngoắt của họ là vì tổ quốc Nhật hùng mạnh không bị phương Tây bắt nạt, mà con đường để đạt được điều đó không có cách nào khác ngoài hiện đại hoá nước Nhật theo văn minh phương Tây¹⁷.

Điều đáng chú ý là hiện nay, nhiều xã hội phi phương Tây không chỉ đang rơi vào tình trạng lạc hậu về thể chế, về kinh tế và về khoa học - giáo dục, mà còn diễn ra sự băng hoại về đạo đức xã hội. Ngay cả ở một số quốc gia có vẻ thành công về mặt kinh tế (ví dụ Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Việt Nam) thì vấn đề đạo đức và văn hoá lại nổi cộm lên nhức nhối. Vì thế một lần nữa nền văn minh phương Tây lại có cơ hội lên tiếng bằng hệ thống giá trị và chuẩn mực của mình. Chuẩn mực và giá trị phương Tây đã trở thành chuẩn mực và giá trị chung của nhân loại, chẳng hạn như Tuyên ngôn nhân quyền của Liên hợp quốc năm 1948 là do người Thụy Sĩ khởi thảo; các bộ quy chế của Tổ chức Thương mại thế giới WTO do các nước phương Tây tư bản phát triển nhất khởi thảo: nguyên tắc không phân biệt đối xử, nguyên tắc minh bạch hoá, nguyên tắc nhân nhượng lẫn nhau... đã trở thành chuẩn mực chung của giao tiếp quốc tế¹⁸. Trong tình trạng hiện nay, các nước đang phát triển dù muốn hay không vẫn phải hiện đại hoá đất nước mình theo một số chỉ dẫn cơ bản của xã hội phương Tây. Điều đó là một sự thật không dễ phủ nhận. Vấn đề chỉ còn là ở chỗ, người ta lựa chọn yếu tố nào, chấp nhận ở mức độ nào, chứ không còn con đường cự tuyệt phương Tây nữa rồi.

4. Kết luận

Hệ vấn đề toàn cầu hoá nói chung và toàn cầu hoá văn hoá nói riêng vẫn còn gây nhiều tranh cãi. Nhưng xu thế hiện nay đã nghiêng về sự thừa nhận toàn cầu hoá văn hoá. Tuy nhiên, vấn đề cách tiếp cận và nội dung của quá trình toàn cầu hoá văn hoá vẫn tiếp tục gây tranh luận. Những quan điểm trình bày trong bài viết này một mặt khẳng định sự thật hiển nhiên và mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hoá văn hoá; mặt khác muốn chỉ ra 4 khía cạnh căn cốt nhất trong nội dung

¹⁷ Taichi, Sakaiya: *12 người lập ra nước Nhật* (GS.TS. Đặng Lương Mô dịch), Đà Nẵng, 2004, tr. 279 - 284.

¹⁸ Lương Văn Kế: *Quy chế của WTO thử nhìn từ góc độ văn hoá ứng xử*. Trong: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội – Viện Konrad-Adenauer (KAS): *Việt Nam và tiến trình gia nhập WTO*, Hà Nội, 2005, tr. 333 - 354.

tiếp cận hệ vấn đề toàn cầu hoá văn hoá: các loại yếu tố văn hoá được toàn cầu hoá, chủ thể toàn cầu hoá văn hoá, kết quả của toàn cầu hoá văn hoá và phương thức ứng xử. Các khía cạnh mang tính phương pháp luận này gắn bó mật thiết với nhau, lệ thuộc vào nhau. Trong đó đóng vai trò nổi bật là nhận thức của chủ thể thực hiện quá trình toàn cầu hoá và chủ thể phản ứng đối với toàn cầu hoá văn hoá. Điều đó dẫn đến những kết cục hết sức quan trọng đối với số phận các dân tộc. Đó là những bài học không bao giờ cũ đối với quá trình hội nhập quốc tế của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Beeson, Mark. *Regionalism and Globalization in East Asia, Politics, Security and Economic Development*, Palgrave MacMillan, 2006.
- Chu Quang Ý - Khổng Triền. *Văn hoá và phát triển địa phương*. Bắc Kinh, 2000.
- Hahn, A. *Identitaet und Nation in Europa* (Bản sắc và dân tộc ở châu Âu). Muenchen 2005.
- Hantschel, R. *Anthropogeographische Arbeitsverfahren* (Các phương pháp làm việc của địa lý nhân học), Braunschweig 1980.
- Huntington, Samuel: *Sự va chạm của các nền văn minh* (Nguyễn Phương Sửu dịch...), Hà Nội, 2005.
- Kim, Samuel S. (Chủ biên), *East Asia and Globalization*, Rowman & Littlefield, 2000.
- Lương Văn Kế. *Thế giới đa chiều*. Hà Nội, 2007.
- Lương Văn Kế. *Giáo trình Nhập môn Khu vực học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.
- Lương Văn Kế. "Ảnh hưởng của hệ giá trị chính trị phương Tây đến sự phát triển của xã hội ở Đông Á – Trường hợp Trung Quốc", *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 3(91), 2009.
- Lương Văn Kế. "Toàn cầu hoá văn hoá: Nội dung và hậu quả". *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, số 3(102), 2009.
- Lương Văn Kế. "Ảnh hưởng của giá trị phương Tây đối với Hiến pháp Nhật Bản 1946". *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 9(103) 2009.
- Lương Văn Kế - Nguyễn Văn Cư. "Văn hoá Nga từ 1991 đến nay dưới tác động của văn hoá phương Tây", *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, số 5(116), 2010.
- Lý Văn. *Biến đổi xã hội ở Đông Á*. Bắc Kinh, 2003.
- Mueller, H. *Das Zusammenleben der Kulturen* (Chung sống giữa các nền văn hoá), Frankfurt/ M. (CHLB Đức) 1998.

Nguyễn Thái Yên Hương: “Vai trò văn hoá đối với việc mở rộng “giá trị” Mỹ”. Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 8(125), 2008.

Nguyễn Thái Yên Hương: “Xu hướng “Mỹ hoá” văn hoá trong thế giới toàn cầu hoá và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”. Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 10 (127), 2008.

Schneider, L. - Silverman, A. *Global Sociology* (Xã hội học toàn cầu). Boston. Massachussts, 1997.

Teló, M. (ed.): *European Union and New Regionalism Aldershot*. Burlington USA. Singapore. Sydney. 2001.

Trần Lạc Dân: *Tập bài giảng về văn minh châu Âu*. Bắc Kinh, 2008.

Viehoff, R. - Segers, R. (chủ biên): *Kultur. Identitaet. Europa* (Văn hoá. Bản sắc. Châu Âu), Frankfurt/M., 1999.

Viên Minh (Chủ biên): *Tập bài giảng về văn hoá và xã hội Mỹ*, Bắc Kinh, 2007.